

**CHÍNH PHỦ****CHÍNH PHỦ**

Số: 67/2006/NĐ-CP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2006***NGHỊ ĐỊNH****Hướng dẫn việc áp dụng Luật Phá sản đối với doanh nghiệp đặc biệt  
và tổ chức, hoạt động của Tổ quản lý, thanh lý tài sản****CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Phá sản ngày 24 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Thi hành án dân sự ngày 14 tháng 01 năm 2004;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và sau khi thống nhất với  
Tòa án nhân dân tối cao,**NGHỊ ĐỊNH:****Chương I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về:

1. Tiêu chí xác định danh mục doanh nghiệp đặc biệt trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh; doanh nghiệp, hợp tác xã thường xuyên, trực tiếp cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu (sau đây gọi chung là doanh nghiệp đặc biệt).

2. Việc áp dụng Luật Phá sản đối với doanh nghiệp đặc biệt.
3. Việc thành lập, quy chế tổ chức, hoạt động và giải thể Tổ quản lý, thanh lý tài sản trong quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản, bao gồm cả doanh nghiệp đặc biệt.
4. Việc áp dụng Luật Phá sản đối với các tổ chức tín dụng và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Đối tượng áp dụng của Nghị định này bao gồm:

1. Doanh nghiệp, hợp tác xã được thành lập và đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, đáp ứng các tiêu chí và thuộc danh mục quy định tại các Điều 3, 4 và 5 Chương II của Nghị định này.
2. Tổ quản lý, thanh lý tài sản.
3. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc giải quyết yêu cầu phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

## **Chương II**

### **XÁC ĐỊNH DANH MỤC DOANH NGHIỆP ĐẶC BIỆT VÀ VIỆC ÁP DỤNG LUẬT PHÁ SẢN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP ĐẶC BIỆT**

**Điều 3. Tiêu chí xác định danh mục doanh nghiệp đặc biệt trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh**

Doanh nghiệp đặc biệt trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh áp dụng quy định của Nghị định này là những doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí sau đây:

1. Được thành lập để trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ mang tính ổn định, thường xuyên trong những lĩnh vực, địa bàn trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và bảo đảm bí mật quốc gia.
2. Do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.
3. Được Nhà nước đặt hàng hoặc giao kế hoạch ổn định, thường xuyên sản xuất cung ứng một hoặc một số sản phẩm, dịch vụ công ích, thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh quy định tại Danh mục A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số



31/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

4. Có vị trí quan trọng và việc phá sản đối với doanh nghiệp đó có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh, trật tự xã hội.

#### **Điều 4. Tiêu chí xác định danh mục doanh nghiệp, hợp tác xã thường xuyên, trực tiếp cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích thiết yếu**

Các doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc danh mục thường xuyên, trực tiếp cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu được áp dụng quy định của Nghị định này phải đáp ứng các tiêu chí sau đây:

1. Trực tiếp cung ứng sản phẩm, dịch vụ thiết yếu đối với đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, cộng đồng dân cư của một khu vực lãnh thổ. Trường hợp cung ứng sản phẩm dịch vụ thiết yếu đối với cộng đồng dân cư của một khu vực lãnh thổ thì phải đáp ứng thêm điều kiện không có doanh nghiệp, hợp tác xã khác cung ứng sản phẩm, dịch vụ đó tại địa bàn.

2. Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đặt hàng, giao kế hoạch theo giá hoặc phí do nhà nước quy định.

#### **Điều 5. Lập và công bố danh mục doanh nghiệp đặc biệt**

1. Căn cứ vào các tiêu chí quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Nghị định này, định kỳ hàng năm hoặc trong trường hợp cần thiết:

a) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ lập và công bố danh mục doanh nghiệp đặc biệt; bổ sung hoặc xóa tên doanh nghiệp trong danh mục doanh nghiệp đặc biệt trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh, cơ yếu;

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quản lý ngành, lĩnh vực, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập và công bố danh mục doanh nghiệp đặc biệt; bổ sung hoặc xóa tên doanh nghiệp trong danh mục doanh nghiệp, hợp tác xã thường xuyên, trực tiếp cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích thiết yếu thuộc ngành, lĩnh vực hoặc địa bàn do mình quản lý.

2. Đối với các doanh nghiệp thành viên thuộc tổng công ty nhà nước, công ty con thuộc nhóm công ty mẹ - công ty con hoặc tập đoàn kinh tế thì Hội đồng quản trị của tổng công ty nhà nước hoặc của công ty mẹ thuộc nhóm công ty mẹ - công ty con hoặc tập đoàn kinh tế lập danh sách các doanh nghiệp thường xuyên, trực

tiếp cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích thiết yếu và đề nghị Bộ trưởng bộ quản lý các ngành, lĩnh vực, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận là doanh nghiệp đặc biệt.

### **Điều 6. Thông báo về việc có đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản**

1. Khi có đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của các đối tượng quy định tại các Điều 13, 14, 15, 16, 17 và 18 của Luật Phá sản đối với doanh nghiệp đặc biệt, Tòa án nhận đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản phải thông báo cho:

a) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ, nếu là doanh nghiệp đặc biệt trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh, cơ yếu;

b) Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nếu là doanh nghiệp, hợp tác xã thường xuyên, trực tiếp cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu do mình đặt hàng hoặc giao kế hoạch;

c) Chủ sở hữu của doanh nghiệp đặc biệt (trừ trường hợp người nộp đơn là đại diện hợp pháp của doanh nghiệp).

2. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ, nếu nhận thấy doanh nghiệp đặc biệt không có khả năng thanh toán được các khoản nợ đến hạn thì Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan thanh tra, cơ quan quản lý vốn, tổ chức kiểm toán hoặc cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp mà không phải là chủ sở hữu nhà nước của doanh nghiệp này phải thông báo bằng văn bản cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước và của doanh nghiệp đặc biệt**

1. Khi nhận được thông báo của Tòa án, của các cơ quan nhà nước có liên quan về việc mất khả năng thanh toán của các doanh nghiệp, hợp tác xã do mình đưa vào danh mục các doanh nghiệp đặc biệt hoặc có thông tin về nguy cơ mất khả năng thanh toán của các doanh nghiệp này, các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị định này có trách nhiệm như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ yêu cầu doanh nghiệp đặc biệt trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh, cơ yếu lập báo cáo bằng văn bản về nguy cơ mất khả năng thanh toán của doanh nghiệp;



b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quản lý ngành, lĩnh vực, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã thường xuyên, trực tiếp cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu do mình đặt hàng hoặc giao kế hoạch phải lập báo cáo bằng văn bản về nguy cơ mất khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

2. Trường hợp nhận thấy nguy cơ mất khả năng thanh toán, trước khi quyết định việc nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, doanh nghiệp đặc biệt phải lập báo cáo bằng văn bản về nguy cơ không có khả năng thanh toán của doanh nghiệp do đại diện hợp pháp của doanh nghiệp ký và gửi cho chủ sở hữu và cơ quan quản lý nhà nước có liên quan quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị định này.

3. Báo cáo về nguy cơ mất khả năng thanh toán được lập theo quy định của Nghị định này và quy định có liên quan của pháp luật, nhưng tối thiểu phải có các nội dung sau đây:

- a) Thực trạng tài chính của doanh nghiệp;
- b) Nguyên nhân dẫn đến nguy cơ mất khả năng thanh toán và các biện pháp đã áp dụng để khắc phục;
- c) Dự kiến các biện pháp cần được áp dụng để khắc phục, bao gồm cả biện pháp chuyển giao toàn bộ các hoạt động cho doanh nghiệp tương ứng khác hoặc sáp nhập vào doanh nghiệp khác;
- d) Trách nhiệm của các cá nhân liên quan.

### **Điều 8. Áp dụng biện pháp cần thiết phục hồi khả năng thanh toán và hoạt động kinh doanh**

1. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo, căn cứ vào thẩm quyền do pháp luật quy định và các quy định tại Nghị định này:

- a) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ phải quyết định áp dụng hoặc không áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật nhằm phục hồi khả năng thanh toán nợ đến hạn và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đặc biệt trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh, cơ yếu. Trong trường hợp việc áp dụng các biện pháp cần thiết phục hồi khả năng thanh toán nợ đến hạn và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp vượt quá khả năng, thẩm quyền của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ thì Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ phải báo cáo để Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định các biện pháp cần



thiết nhằm phục hồi khả năng thanh toán nợ đến hạn và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quản lý ngành, lĩnh vực, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chủ sở hữu doanh nghiệp, hợp tác xã thường xuyên, trực tiếp cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu phải quyết định áp dụng hoặc không áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm phục hồi khả năng thanh toán nợ đến hạn và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã này.

2. Trường hợp quyết định chấm dứt áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm phục hồi khả năng thanh toán nợ đến hạn và hoạt động kinh doanh hoặc sau khi đã áp dụng các biện pháp cần thiết phục hồi khả năng thanh toán và hoạt động kinh doanh mà doanh nghiệp vẫn không phục hồi được và không thanh toán được các khoản nợ đến hạn khi chủ nợ có yêu cầu thì Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quản lý ngành, lĩnh vực, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chủ sở hữu doanh nghiệp hoặc hợp tác xã, Hội đồng quản trị của tổng công ty nhà nước hoặc của công ty mẹ có doanh nghiệp thành viên hoặc công ty con là doanh nghiệp đặc biệt phải thông báo bằng văn bản cho Tòa án, đối tượng nộp đơn và các chủ nợ biết về việc không áp dụng hoặc chấm dứt áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã.

### **Điều 9. Thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp đặc biệt**

Tòa án chỉ thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp đặc biệt sau khi đã nhận được văn bản thông báo của các cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân sau đây:

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Trưởng ban Ban cơ yếu Chính phủ thông báo không áp dụng hoặc chấm dứt áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đặc biệt trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh, cơ yếu mà doanh nghiệp đó vẫn không phục hồi được và không có khả năng thanh toán nợ đến hạn.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quản lý ngành, lĩnh vực, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng quản trị tổng công ty nhà nước hoặc của công ty mẹ có doanh nghiệp thành viên hoặc công ty con là



doanh nghiệp đặc biệt, chủ sở hữu doanh nghiệp, hợp tác xã thông báo không áp dụng hoặc chấm dứt áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã thường xuyên, trực tiếp cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu mà doanh nghiệp, hợp tác xã đó vẫn không phục hồi được và không có khả năng thanh toán nợ đến hạn.

### **Điều 10. Thủ tục phá sản**

Sau khi nhận được thông báo không áp dụng hoặc chấm dứt áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán và hoạt động kinh doanh theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Nghị định này và thực hiện các thủ tục quy định tại Điều 22 và Điều 23 Luật Phá sản thì Thẩm phán phải quyết định theo một trong hai trường hợp sau:

1. Quyết định mở thủ tục phá sản và thực hiện các trình tự, thủ tục phá sản theo quy định của Luật Phá sản, Nghị định này và các quy định pháp luật khác có liên quan đối với các trường hợp sau:

a) Doanh nghiệp đặc biệt không được Nhà nước áp dụng biện pháp cần thiết để phục hồi khả năng thanh toán và hoạt động kinh doanh;

b) Doanh nghiệp đặc biệt đã được Nhà nước áp dụng biện pháp cần thiết để phục hồi khả năng thanh toán và hoạt động kinh doanh mà vẫn không phục hồi được và không có khả năng thanh toán được các khoản nợ đến hạn nhưng có quá nửa số chủ nợ không có bảo đảm đại diện cho từ hai phần ba tổng số nợ không có bảo đảm trở lên đề nghị tổ chức Hội nghị chủ nợ.

2. Quyết định mở thủ tục phá sản và thực hiện ngay thủ tục thanh lý tài sản của doanh nghiệp đối với trường hợp doanh nghiệp đặc biệt đã được Nhà nước áp dụng biện pháp cần thiết để phục hồi khả năng thanh toán và hoạt động kinh doanh, nhưng vẫn không phục hồi được, không thanh toán được các khoản nợ đến hạn khi chủ nợ có yêu cầu và không có đủ quá nửa số chủ nợ không có bảo đảm đại diện cho từ 2/3 (hai phần ba) tổng số nợ không có bảo đảm trở lên đề nghị tổ chức Hội nghị chủ nợ. Thủ tục thanh lý và tuyên bố phá sản được thực hiện theo quy định của Luật Phá sản, Nghị định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**Điều 11. Công khai thông tin đối với doanh nghiệp đặc biệt trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh**

Khi tiến hành thủ tục phá sản, Tổ trưởng của Tổ quản lý, thanh lý tài sản được thành lập theo quy định tại Điều 16 của Nghị định này phải tham khảo ý kiến của



Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ về việc công khai thông tin phá sản đối với doanh nghiệp đặc biệt trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh. Trường hợp việc công khai thông tin không có lợi cho hoạt động quốc phòng, an ninh thì Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản có trách nhiệm đề nghị Thẩm phán quyết định không niêm yết thông tin phá sản doanh nghiệp này như đối với vụ phá sản thông thường.

## **Điều 12. Thanh lý tài sản của doanh nghiệp đặc biệt**

1. Việc thanh lý tài sản của doanh nghiệp đặc biệt thực hiện theo phương thức và thứ tự ưu tiên như sau:

a) Bán đấu giá toàn bộ doanh nghiệp cho đối tượng hoạt động trong cùng ngành nghề lĩnh vực để tiếp tục kinh doanh;

b) Bán đấu giá toàn bộ doanh nghiệp cho các đối tượng khác trong trường hợp không có đối tượng hoạt động trong cùng ngành nghề lĩnh vực tham gia đấu giá mua doanh nghiệp để tiếp tục kinh doanh;

c) Bán theo phương thức trực tiếp toàn bộ doanh nghiệp cho đối tượng hoạt động trong cùng ngành nghề lĩnh vực để tiếp tục kinh doanh trong trường hợp chỉ có một người đăng ký mua;

d) Bán đấu giá từng tài sản riêng lẻ được thực hiện trong trường hợp không thực hiện được theo phương thức bán đấu giá toàn bộ doanh nghiệp;

đ) Bán tài sản theo phương thức trực tiếp được thực hiện trong trường hợp không thực hiện được theo phương thức bán đấu giá từng tài sản hoặc giá trị tài sản dưới mức phải bán theo phương thức đấu giá theo quy định của pháp luật.

2. Những doanh nghiệp hoặc tài sản trong lĩnh vực quốc phòng an ninh, cơ yếu không được bán đấu giá thì bán trực tiếp cho đối tượng hoạt động trong cùng ngành nghề lĩnh vực để tiếp tục kinh doanh. Danh mục doanh nghiệp hoặc tài sản không bán đấu giá cho các đối tượng hoạt động ngoài lĩnh vực quốc phòng, an ninh, cơ yếu do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ quy định.

3. Việc bán toàn bộ doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước thực hiện theo quy định về bán doanh nghiệp theo Nghị định số 80/2005/NĐ-CP ngày 22 tháng 6 năm 2005 của Chính phủ về giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty nhà nước; bán đấu giá công ty nhà nước theo Quyết định số 330/2005/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ. Việc bán toàn bộ doanh nghiệp không thuộc sở hữu nhà nước theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Việc bán đấu giá tài sản



thực hiện theo quy định tại Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản.

### **Điều 13. Thanh toán nợ có bảo đảm và hoàn trả lại tài sản cho Nhà nước**

Doanh nghiệp đặc biệt phải thực hiện các nghĩa vụ về tài sản sau đây trước khi phân chia giá trị tài sản của doanh nghiệp:

1. Thanh toán các khoản nợ được bảo đảm bằng tài sản thế chấp hoặc cầm cố được xác lập trước khi Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản cho các chủ nợ có bảo đảm theo quy định tại Điều 35 của Luật Phá sản.

2. Hoàn trả lại cho nhà nước giá trị tài sản đã được sử dụng khi áp dụng biện pháp cần thiết để phục hồi khả năng thanh toán và hoạt động kinh doanh theo quy định tại Điều 36 của Luật Phá sản.

### **Điều 14. Thứ tự phân chia tài sản**

Sau khi thực hiện các nghĩa vụ về tài sản theo quy định tại Điều 13 của Nghị định này, giá trị tài sản của doanh nghiệp đặc biệt được phân chia theo thứ tự quy định tại Điều 37 của Luật Phá sản.

## **Chương III**

### **TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN**

### **Điều 15. Thành phần của Tổ quản lý, thanh lý tài sản**

Tổ quản lý, thanh lý tài sản gồm có:

1. Một chấp hành viên của cơ quan thi hành án cùng cấp với Tòa án có thẩm quyền thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản làm Tổ trưởng.

2. Một cán bộ của Tòa án nhân dân có thẩm quyền thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

3. Một đại diện của chủ nợ là tổ chức, cá nhân có số nợ lớn nhất trong số các chủ nợ.

4. Một đại diện hợp pháp của doanh nghiệp, hợp tác xã bị mở thủ tục phá sản.

5. Đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã sau đây lâm vào tình trạng phá sản thì

tùy từng trường hợp, Thẩm phán xem xét, quyết định về thành phần đại diện tham gia Tổ quản lý, thanh lý tài sản:

a) Đại diện công đoàn hoặc đại diện người lao động (nơi không có tổ chức công đoàn) đối với doanh nghiệp, hợp tác xã có nợ lương hoặc các khoản nợ khác đối với người lao động;

b) Đại diện Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ đối với doanh nghiệp đặc biệt trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh, cơ yếu thuộc lĩnh vực do các cơ quan này quản lý;

c) Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, bảo hiểm phải có một đại diện của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành ngân hàng, tài chính, bảo hiểm tham gia Tổ quản lý, thanh lý tài sản. Trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia bảo hiểm tiền gửi thì phải có một đại diện của tổ chức bảo hiểm tiền gửi tham gia Tổ quản lý, thanh lý tài sản;

d) Đại diện của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quản lý ngành, lĩnh vực về sản phẩm, dịch vụ công ích mà doanh nghiệp, hợp tác xã thường xuyên, trực tiếp cung ứng; đại diện của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà doanh nghiệp, hợp tác xã thường xuyên, trực tiếp cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích tại địa bàn tỉnh đó.

6. Cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều này có trách nhiệm cử đại diện tham gia Tổ quản lý, thanh lý tài sản theo yêu cầu của Thẩm phán.

### **Điều 16. Thành lập Tổ quản lý, thanh lý tài sản**

1. Đồng thời với việc ra quyết định mở thủ tục phá sản, Thẩm phán gửi văn bản đề nghị cử người tham gia Tổ quản lý, thanh lý tài sản tới cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan quy định tại Điều 15 của Nghị định này. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Thẩm phán, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm cử người tham gia Tổ quản lý, thanh lý tài sản.

2. Thẩm phán ra quyết định thành lập Tổ quản lý, thanh lý tài sản để làm nhiệm vụ quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản. Một người có thể được đồng thời tham gia tối đa 03 (ba) Tổ quản lý, thanh lý tài sản. Người được chỉ định tham gia Tổ quản lý, thanh lý tài sản có quyền từ chối sự chỉ định đó, nếu có lý do chính đáng. Trong trường hợp đặc biệt, một chấp hành viên có thể đồng thời tham gia 06 (sáu) tổ quản lý, thanh lý tài sản nhưng phải được Thẩm phán chấp thuận.



3. Quyết định thành lập Tổ quản lý, thanh lý tài sản phải ghi rõ họ, tên, nghề nghiệp, chức vụ, cơ quan công tác của Tổ trưởng và các thành viên khác. Quyết định này phải được thông báo ngay cho Chánh án Tòa án nhân dân có thẩm quyền thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp, doanh nghiệp, hợp tác xã bị mở thủ tục phá sản, người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản và được niêm yết công khai tại trụ sở Tòa án nhân dân.

### **Điều 17. Thay đổi thành phần Tổ quản lý, thanh lý tài sản**

1. Trường hợp người được chỉ định từ chối tham gia Tổ quản lý, thanh lý tài sản hoặc có căn cứ cho rằng người được chỉ định tham gia thành viên Tổ quản lý, thanh lý tài sản là không khách quan hoặc không đủ năng lực thi hành nhiệm vụ, thì Thẩm phán có quyền đề nghị cơ quan, tổ chức liên quan cử người thay thế. Chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày Thẩm phán yêu cầu, các cơ quan, tổ chức liên quan phải cử người khác thay thế.

2. Trong quá trình tiến hành thủ tục phá sản, nếu người đại diện cho các chủ nợ trong Tổ quản lý, thanh lý tài sản không có khả năng thực hiện các công việc của Tổ thì Thẩm phán có quyền đề nghị Hội nghị chủ nợ chọn một đại diện khác để thay thế. Các chủ nợ phải tổ chức họp để chọn người thay thế trong thời hạn chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày Thẩm phán đề nghị.

3. Thành viên Tổ quản lý, thanh lý tài sản bị thay đổi có quyền khiếu nại với Chánh án Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền tiến hành thủ tục phá sản về việc thay đổi đó. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại, Chánh án Tòa án nhân dân phải xem xét, giải quyết. Quyết định của Chánh án Tòa án nhân dân là quyết định cuối cùng.

### **Điều 18. Giải thể Tổ quản lý, thanh lý tài sản**

Tổ quản lý, thanh lý tài sản bị giải thể trong các trường hợp sau:

1. Thẩm phán ra quyết định công nhận Nghị quyết Hội nghị chủ nợ về phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản theo quy định tại Điều 72 của Luật Phá sản.

2. Thẩm phán ra quyết định đình chỉ thủ tục thanh lý tài sản theo quy định tại Điều 85 của Luật Phá sản.

### **Điều 19. Thành lập lại Tổ quản lý, thanh lý tài sản**

Trường hợp Tổ quản lý, thanh lý tài sản đã bị giải thể theo quy định tại khoản 1



Điều 18 của Nghị định này để doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện Nghị quyết Hội nghị chủ nợ về phương án phục hồi hoạt động kinh doanh, nhưng doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện không đúng hoặc không thực hiện được phương án phục hồi hoạt động kinh doanh theo quy định tại khoản 3 Điều 80 của Luật Phá sản thì Thẩm phán phải ra quyết định thành lập lại Tổ quản lý, thanh lý tài sản để thực hiện việc thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của Luật Phá sản.

### **Điều 20. Nguyên tắc và chế độ làm việc của Tổ quản lý, thanh lý tài sản**

1. Tổ quản lý, thanh lý tài sản làm việc dưới sự điều hành của Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản và chịu sự giám sát của Thẩm phán. Thành viên của Tổ quản lý, thanh lý tài sản thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Phá sản, của Nghị định này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Tùy tính chất và nội dung của từng công việc, Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản phân công các thành viên thực hiện các công việc quy định tại Điều 10 của Luật Phá sản. Ngay sau khi có quyết định thành lập Tổ quản lý, thanh lý tài sản, Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản phải tổ chức phiên họp thứ nhất để phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và thông báo địa điểm, kế hoạch làm việc của Tổ theo quy định tại Điều 10 của Luật Phá sản.

2. Phiên họp của Tổ quản lý, thanh lý tài sản chỉ được tiến hành khi có sự tham gia của ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên. Các quyết định của Tổ quản lý, thanh lý tài sản chỉ được thông qua khi có sự đồng ý của đa số thành viên có mặt tại cuộc họp, trường hợp có số phiếu ngang nhau thì ý kiến của Tổ trưởng có tính quyết định.

3. Trong quá trình hoạt động, Tổ quản lý, thanh lý tài sản được quyền sử dụng cơ sở vật chất của cơ quan thi hành án dân sự và Tòa án nhân dân. Các cơ quan nhà nước, tổ chức có liên quan trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình có nghĩa vụ hỗ trợ Tổ quản lý, thanh lý tài sản thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Sổ sách và giấy tờ có liên quan đến hoạt động của Tổ quản lý, thanh lý tài sản được lưu giữ tại cơ quan thi hành án, Tòa án và do Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản quản lý. Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản và Tổ quản lý, thanh lý tài sản giải thể thì hồ sơ liên quan đến hoạt động của Tổ quản lý, thanh lý tài sản được lưu giữ tại Tòa án nhân dân thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Mọi giấy tờ giao dịch liên quan tới hoạt động của Tổ quản lý, thanh lý tài sản phải được Thẩm phán hoặc Chấp hành viên có thẩm quyền ký tên và đóng dấu.



5. Tổ quản lý, thanh lý tài sản mở tài khoản riêng để phục vụ cho việc quản lý, thanh lý tài sản phá sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản.

6. Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản có quyền sử dụng con dấu của Tòa án hoặc cơ quan thi hành án.

7. Tổ trưởng và thành viên Tổ quản lý, thanh lý tài sản được hưởng lương tại cơ quan, tổ chức cử mình tham gia Tổ quản lý, thanh lý tài sản; được hưởng thù lao theo quy định của Bộ Tài chính.

8. Chi phí liên quan đến hoạt động của Tổ quản lý, thanh lý tài sản được lấy từ nguồn thu của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản. Tổ quản lý, thanh lý tài sản được quyền tạm ứng chi phí từ cơ quan thi hành án. Việc hạch toán chi phí phải tuân theo chế độ kế toán hiện hành.

### **Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản**

1. Chấp hành viên được cử làm Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản, nhưng vẫn sinh hoạt chuyên môn tại cơ quan thi hành án và chịu trách nhiệm chuyên môn trước Thủ trưởng cơ quan thi hành án.

2. Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Điều hành Tổ quản lý, thanh lý tài sản thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 10 của Luật Phá sản;

b) Chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Tổ quản lý, thanh lý tài sản trước Thẩm phán. Trường hợp Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản vắng mặt thì phải ủy quyền cho một thành viên trong tổ điều hành công việc của Tổ quản lý, thanh lý tài sản;

c) Đề nghị Thẩm phán ra quyết định tuyên bố giao dịch mà doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện vô hiệu và thu hồi tài sản mà doanh nghiệp, hợp tác xã đã giao dịch vi phạm Điều 31 của Luật Phá sản;

d) Đề nghị Thẩm phán ra quyết định buộc doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản phải thực hiện hoặc không được thực hiện một số hành vi nhằm bảo toàn tài sản hoặc phục vụ cho việc thanh lý tài sản hoặc làm tăng thêm khối tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã;

đ) Trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản cho người khác vay tài sản có bảo đảm nhưng chưa được đăng ký theo quy định của

pháp luật thì Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản phải thực hiện ngay việc đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tài sản đó tại các cơ quan theo quy định của pháp luật;

e) Đề nghị Thẩm phán ra quyết định thu hồi tài sản hay phần chênh lệch giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã bị áp dụng thủ tục thanh lý tài sản đã bán hoặc chuyển giao bất hợp pháp đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật Phá sản;

g) Mở tài khoản ở ngân hàng để gửi các khoản tiền thu được từ những người mắc nợ và từ việc bán đấu giá các tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã bị áp dụng thủ tục thanh lý tài sản trong trường hợp cần thiết; làm chủ tài khoản mở tại ngân hàng;

h) Trong trường hợp cần thiết có quyền huy động kế toán thi hành án giúp Tổ quản lý, thanh lý tài sản hỗ trợ trong công tác nghiệp vụ kiểm tra sổ sách kế toán;

i) Quyết định áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án theo các quy định pháp luật về thi hành án dân sự;

k) Đóng tài khoản khi có quyết định giải thể Tổ quản lý, thanh lý tài sản;

l) Đề nghị các cơ quan nhà nước có liên quan hỗ trợ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

m) Tổ chức thi hành các quyết định của Thẩm phán.

3. Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

## **Điều 22. Định giá tài sản doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản**

1. Trường hợp Tổ quản lý, thanh lý tài sản và doanh nghiệp, hợp tác xã không thỏa thuận được về giá tài sản đã được kiểm kê thì Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản có trách nhiệm thuê tổ chức có chức năng định giá hoặc thành lập Hội đồng định giá tài sản thực hiện công việc này.

2. Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã có tổng giá trị tài sản còn lại được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của doanh nghiệp từ 30 tỷ đồng trở lên thì thuê các tổ chức có chức năng định giá như các công ty kiểm toán, công ty chứng khoán, tổ chức thẩm định giá, ngân hàng đầu tư trong nước và ngoài nước có chức năng định giá (sau đây gọi tắt là tổ chức định giá).

3. Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã có tổng giá trị tài sản còn lại được ghi trong



báo cáo tài chính gần nhất của doanh nghiệp dưới 30 tỷ đồng thì thành lập Hội đồng định giá:

a) Thành phần Hội đồng định giá gồm: Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản làm Chủ tịch Hội đồng; đại diện cơ quan tài chính; đại diện một số cơ quan khác có liên quan; đại diện chủ nợ của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản; đại diện công đoàn hoặc đại diện người lao động theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 15 của Nghị định này;

b) Hội đồng định giá quyết định theo đa số; trong trường hợp ý kiến ngang nhau thì bên có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng là ý kiến quyết định.

4. Tổ chức định giá và Hội đồng định giá có nhiệm vụ xác định giá tối thiểu của doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc của toàn bộ tài sản trước khi bán đấu giá bao gồm cả việc định giá tài sản là vật bảo đảm các khoản nợ vay, tài sản mà doanh nghiệp, hợp tác xã đã bán 03 (ba) tháng trước khi thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

### **Điều 23. Lập bảng kê tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã**

1. Tổ quản lý, thanh lý tài sản lập bảng kê toàn bộ tài sản hiện có của doanh nghiệp, hợp tác xã, kể cả các khoản tiền mặt, cổ phiếu, trái phiếu, các giấy tờ có giá và các quyền về tài sản.

Trong trường hợp cần thiết, Tổ quản lý, thanh lý tài sản có thể cử thành viên hoặc Tổ quản lý, thanh lý tài sản trực tiếp làm việc với đại diện hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc cá nhân có liên quan để xác định rõ về tình hình tài sản của doanh nghiệp.

2. Bảng kê tài sản phải được tập thể Tổ quản lý, thanh lý tài sản thông qua, có chữ ký của Tổ trưởng và gửi cho Thẩm phán. Nếu phát hiện thêm tài sản thì Tổ quản lý, thanh lý tài sản quyết định điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung trong bảng kê tài sản và báo cáo Thẩm phán.

### **Điều 24. Giám sát, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã bị mở thủ tục phá sản**

1. Sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, Tổ quản lý, thanh lý tài sản phân công thành viên thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra việc sử dụng tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã.

2. Việc giám sát, kiểm tra được tiến hành đối với các hành vi bị cấm và hạn chế theo quy định tại Điều 31 của Luật Phá sản và đối với các hoạt động sau:

a) Ký kết và thực hiện hợp đồng;

b) Sử dụng, bảo quản và chuyển dịch tài sản ngoài hợp đồng;

c) Thanh toán các khoản nợ phát sinh sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản.

### **Điều 25. Đề nghị quyết định áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời**

Trong trường hợp cần thiết, Tổ quản lý, thanh lý tài sản có quyền đề nghị Thẩm phán ra quyết định áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo toàn tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản theo quy định tại Điều 55 của Luật Phá sản. Việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự, Pháp lệnh thi hành án dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành.

### **Điều 26. Lập danh sách chủ nợ và danh sách những người mắc nợ**

1. Căn cứ vào sổ kế toán và các giấy báo nợ, Tổ quản lý, thanh lý tài sản lập danh sách chủ nợ và sổ nợ phải trả cho từng chủ nợ; danh sách những người mắc nợ và sổ nợ phải đòi của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản.

2. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày hết hạn gửi giấy đòi nợ, Tổ quản lý, thanh lý tài sản phải lập xong danh sách chủ nợ và sổ nợ phải trả.

Danh sách chủ nợ phải bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Họ, tên, địa chỉ chủ nợ;

b) Số nợ của từng chủ nợ, trong đó bao gồm nợ có bảo đảm, nợ có bảo đảm một phần, nợ không có bảo đảm, nợ đến hạn và nợ chưa đến hạn, nợ vô chủ.

3. Đồng thời với việc lập danh sách chủ nợ và sổ nợ, Tổ quản lý, thanh lý tài sản phải lập danh sách những người mắc nợ và sổ nợ phải đòi của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản.

Danh sách những người mắc nợ bao gồm nội dung chủ yếu sau đây:

a) Họ, tên, địa chỉ người mắc nợ;

b) Số nợ của từng người mắc nợ, trong đó phân rõ nợ có bảo đảm, nợ có bảo đảm một phần, nợ không có bảo đảm, nợ đến hạn, nợ chưa đến hạn, nợ có khả năng thu hồi và nợ không có khả năng thu hồi.

4. Danh sách chủ nợ và danh sách những người mắc nợ phải được niêm yết công khai tại trụ sở của Tòa án tiến hành thủ tục phá sản và trụ sở chính của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày niêm yết.



Trong trường hợp bất khả kháng hoặc có trở ngại khách quan thì thời gian có sự kiện bất khả kháng hoặc có trở ngại khách quan không được tính vào thời hạn niêm yết. Hết thời hạn niêm yết, Tổ quản lý, thanh lý tài sản có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung danh sách chủ nợ và những người mắc nợ theo quyết định của Thẩm phán và khóa sổ các danh sách đó. Doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản có quyền khiếu nại về danh sách chủ nợ và danh sách những người mắc nợ. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại, Tòa án phải xem xét, giải quyết các khiếu nại này.

### **Điều 27. Thu hồi và quản lý tài sản, tài liệu, sổ sách kế toán và con dấu của doanh nghiệp, hợp tác xã bị áp dụng thủ tục thanh lý tài sản**

1. Ngay sau khi quyết định mở thủ tục thanh lý tài sản có hiệu lực, Tổ quản lý, thanh lý tài sản thực hiện việc thu hồi và quản lý tài sản, tài liệu, sổ sách kế toán và con dấu của doanh nghiệp, hợp tác xã bị áp dụng thủ tục thanh lý tài sản.

2. Việc lập bảng kiểm kê, định giá và bảo quản tài sản đã kiểm kê để thu hồi được thực hiện theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự và Pháp lệnh thi hành án dân sự:

a) Việc thu hồi tài sản phải lập thành 03 (ba) biên bản; trong đó ghi rõ tên, số lượng, chủng loại, tình trạng tài sản, giá tài sản (nếu tài sản đã được định giá), ý kiến của doanh nghiệp, hợp tác xã bị áp dụng thủ tục thanh lý và chữ ký của nhân viên thu hồi tài sản, đại diện cơ quan tham gia phối hợp (nếu có);

b) Đối với tài sản thu hồi là bất động sản hoặc động sản khó có khả năng vận chuyển được hoặc vận chuyển với chi phí quá cao thì phải có biện pháp bảo quản; trường hợp vượt khả năng cho phép thì phải báo cáo ngay với Thẩm phán và Thủ trưởng cơ quan thi hành án để có biện pháp xử lý;

c) Việc thu hồi đối với quyền về tài sản phải được thông báo cho cơ quan nhà nước có liên quan và người có quyền, lợi ích liên quan biết.

3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định mở thủ tục thanh lý tài sản, Tổ quản lý, thanh lý tài sản có trách nhiệm chuyển lại tài sản cho người cho thuê, cho mượn mà doanh nghiệp, hợp tác xã đã thuê hoặc mượn tài sản để dùng vào hoạt động kinh doanh, khi người cho thuê, cho mượn xuất trình giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, hợp đồng cho thuê hoặc cho mượn. Trong trường hợp có tranh chấp thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

## **Điều 28. Tổ chức việc bán đấu giá tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã bị áp dụng thủ tục thanh lý tài sản**

Việc bán tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã bị áp dụng thủ tục thanh lý tài sản được thực hiện như sau:

1. Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản có nhiệm vụ tổ chức bán đấu giá tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã bị phá sản. Việc bán đấu giá tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã bị phá sản phải theo quy định tại các khoản 1, 2, 4 Điều 47 và Điều 48 Pháp lệnh Thi hành án dân sự và Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản. Việc bán tài sản cầm hoặc hạn chế lưu thông trên thị trường phải tuân theo các quy định pháp luật có liên quan.

2. Đối với doanh nghiệp đặc biệt, việc tổ chức bán đấu giá doanh nghiệp tuân theo quy định tại Điều 12 của Nghị định này. Tổ quản lý, thanh lý tài sản tổ chức bán đấu giá doanh nghiệp đặc biệt.

3. Toàn bộ các khoản tiền thu được của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản phải được gửi vào tài khoản của Tổ quản lý, thanh lý tài sản chậm nhất là sau 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày thu được tiền; nếu gửi chậm phải chịu phạt theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thanh lý tài sản.

## **Điều 29. Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phân chia tài sản**

1. Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản có trách nhiệm xây dựng phương án phân chia tài sản, kế hoạch trả nợ để Thẩm phán xem xét, quyết định; tổ chức thực hiện phương án phân chia tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã bị mở thủ tục thanh lý tài sản cho các chủ nợ phải theo đúng quyết định của Thẩm phán và thứ tự ưu tiên theo quy định tại Nghị định này.

2. Phương thức trả tiền cho các chủ nợ theo nguyên tắc thỏa thuận nhưng không trái với quy định của pháp luật. Chi phí cho việc thanh toán tiền cho chủ nợ được trừ vào số tiền chủ nợ được nhận.

## **Điều 30. Báo cáo việc thực hiện phương án phân chia tài sản**

1. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong phương án phân chia tài sản, Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản phải làm báo cáo về việc thi hành phương án phân chia tài sản gửi cho Thẩm phán và niêm yết công khai tại trụ sở của Tòa án thụ lý vụ việc.



2. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày báo cáo kết quả thực hiện phương án phân chia tài sản được niêm yết, nếu không có chủ nợ nào khiếu nại thì Thẩm phán ra quyết định đình chỉ thủ tục thanh lý tài sản, sau đó ra quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

**Điều 31. Hiệu lực của các quyết định của Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản**

1. Các quyết định của Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản có giá trị bắt buộc thi hành đối với mọi cá nhân, tổ chức có liên quan.

2. Người nào không chấp hành quyết định của Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản thì theo tùy tính chất và mức độ vi phạm, bị thi hành kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

**Điều 32. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Tổ quản lý, thanh lý tài sản**

1. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, Tổ trưởng và nhân viên Tổ quản lý, thanh lý tài sản vi phạm quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, có thể bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Nếu vi phạm các trường hợp sau đây và gây thiệt hại thì Tổ trưởng và nhân viên Tổ quản lý, thanh lý tài sản phải bồi thường thiệt hại:

- a) Lập bảng kê tài sản không đúng tình hình thực tế;
- b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc sử dụng tài sản, để thất thoát tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã;
- c) Không đề nghị Thẩm phán quyết định áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo toàn tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp cần thiết, để thất thoát tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mắc nợ;
- d) Lập danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ sai sự thật;
- đ) Có hành vi làm thất thoát, hư hỏng tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mắc nợ;
- e) Thực hiện việc phân chia tài sản không đúng với phương án đã được Thẩm phán duyệt;
- g) Không phát hiện và không đề nghị Thẩm phán ra quyết định thu hồi lại tài sản, giá trị tài sản hay phần chênh lệch giá trị tài sản đã bán hoặc chuyển giao bất hợp pháp quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật Phá sản;

h) Không thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản doanh nghiệp, hợp tác xã bị áp dụng thủ tục thanh lý tài sản;

i) Sử dụng trái phép tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã;

k) Lập báo cáo không trung thực về việc thực hiện các quyết định về phá sản.

### **Điều 33. Khen thưởng**

Tổ trưởng và nhân viên Tổ quản lý, thanh lý tài sản có thành tích trong thực hiện Nghị định này được xem xét, khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

## **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 34. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo
2. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao và các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện Nghị định này.
3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Tấn Dũng**